

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/08/2017

V/v “*Tranh chấp về quan hệ hôn nhân*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và Ông Vũ Như Anh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Là Thư ký

Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2017, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về quan hệ hôn nhân*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Khánh N, sinh năm 1996. Trú tại: Xóm A, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* **Bị đơn:** Anh Đinh Trần Trọng H - sinh năm 1991. Trú tại: đường M, khối B, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, cũng như các biên bản trình bày, nguyên đơn bà Trần Thị Khánh Như trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đinh Trần Trọng H về sống với nhau từ ngày 06/12/2015 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống chung hai vợ sống cùng với bố mẹ chồng tại xóm A, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, đến tháng 07/2016 thì tôi về sống với bố mẹ đẻ. Quá trình sống chung, hai vợ chồng ít chung sống với nhau do công việc của ông H làm xa nhà, từ tháng 03/2016 ông H bắt đầu chơi cờ bạc, nên tôi đã bán vàng trả nợ và tôi đã khuyên nhiều lần nhưng vẫn

không bỏ. Do bản thân bị hư thai nên về gia đình bố mẹ để được chăm sóc, thì tháng 08/2016 ông H đã cắt khẩu đi vào Đắk Lắk làm ăn sinh sống mà không nói với tôi, mãi sau này tôi mới được biết. Do thời kỳ hôn nhân ông H thường hay chơi bài, tôi đã nhiều lần can ngăn nhưng không được, nên vợ chồng thường hay cự cãi, làm cho hôn nhân không hạnh phúc, nay vợ chồng đã ly thân từ tháng 07/2016 cho đến nay, tình cảm đã không còn dành cho nhau, vì vậy nguyện vọng tôi xin được ly hôn với ông Đinh Trần Trọng H.

- Về con chung, tài sản chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có ký hợp đồng vay 400.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Nghệ An, theo hợp đồng số 3006.01/2016/HĐCV/PVB-CNNA, ngày 04/07/2016. Tuy nhiên khi vay về tôi không sử dụng khoản tiền nào trong số tiền 400.000.000 đồng. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân có vay của bố mẹ tôi là Trần Bình T, mẹ là Nguyễn Thị Kim O 30.000.000 đồng.

* Qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, ông Đinh Trần Trọng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác nhận chúng tôi về sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo lời trình bày của bà N là đúng sự thật. Tuy nhiên, về mâu thuẫn hôn nhân tôi không đồng ý theo lời trình bày của bà N, tôi không chơi cờ bạc, cũng như hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Do tháng 07/2016 khi vợ tôi bị hư thai, nên bố mẹ đẻ của bà N xin đưa về nhà chăm sóc, vì vậy tôi đã đồng ý. Kể từ tháng 07/2016 cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân, lý do hai vợ chồng ly thân là do bố mẹ vợ tôi ngăn cấm, không cho chúng tôi sống chung và do công việc của tôi đi làm tại Đắk Lắk từ tháng 08/2016 cho đến nay, nên hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Tôi xác định khi đi làm ăn xa, hai vợ chồng không có bàn bạc về công việc của tôi, là do tôi tự ý đi vào Đắk Lắk làm ăn, một phần do bố mẹ vợ không cho gặp nên không thể bàn bạc, nói chuyện với vợ được. Nay vợ tôi là bà N xin ly hôn, nguyện vọng của tôi là do tình cảm vẫn còn nên xin về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung và tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có vay của Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Nghệ An số tiền 400.000.000 đồng, theo hợp đồng số 3006.01/2016/HĐCV/PVB-CNNA, ngày 04/07/2016. Nay trong trường hợp ly hôn, tôi đề nghị chia đôi khoản nợ chung này. Ngoài ra, Tôi xác định trong thời kỳ hôn nhân do cần tiền sửa xe nên có nói vợ tôi là bà N đi vay 25.000.000đ, sau đó bà N đã đưa cho tôi, có nói là vay của bố mẹ vợ tôi là ông Trần Bình T, mẹ là Nguyễn

Thị Kim O, tại thời điểm này tôi không có ý kiến gì và tôi có trao đổi với bà N là “nếu vay của bố mẹ em thì anh sẽ trả”. Tuy nhiên, hiện nay tôi chưa xác thực được bà N có vay của ông T, bà O hay không nên không đồng ý trả khoản tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn, cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Nghệ An, ông Trần Bình T và bà Nguyễn Thị Kim O thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án đối với các khoản nợ của ông H và bà N trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, các bên đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar không xem xét giải quyết về phần nợ chung của ông H, bà N trong thời kỳ hôn nhân trong vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, triệu tập các bên đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Khánh N có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị xin được ly hôn với ông Đinh Trần Trọng H. Bị đơn ông Đinh Trần Trọng H vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình sống chung giữa ông H và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N xin được ly hôn với ông Đinh Trần Trọng H.

+ Về con chung không có, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các bên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xét nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết của các đương sự trọng vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, đồng thời thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với ông Đinh Trần Trọng H. Căn cứ lời khai của các bên đương sự, cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Trần Thị Khánh N, ông Đinh Trần Trọng H về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 27 tháng 11 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi về sống chung quan hệ hôn nhân của ông H, bà N không tồn tại được lâu. Nguyên nhân, do các bên tuổi đời còn trẻ, chưa thật sự tìm hiểu kỹ trước khi quyết định về chung sống với nhau, nên sau khi về sống chung hai bên không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Thêm vào đó ông H thường ra ngoài chơi bài bạc, nợ nần, bà N đã nhiều lần khuyên nhưng không được, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi với nhau và từ tháng 07/2016 đến nay ông H, bà N đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà N đã không còn tồn tại trên thực tế từ tháng 07/2016 đến nay, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân đã không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Khánh N và đồng thời không chấp nhận đối với nguyện vọng xin về đoàn tụ của bị đơn ông Đinh Trần Trọng H.

- Về con chung không có; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Thị Khánh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0036723 ngày 04/01/2017 .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Khánh N.

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Khánh N được ly hôn với ông Đinh Trần Trọng H.

* Về con chung không có; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Bà Trần Thị Khánh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/ 0036723, ngày 04/01/2017 .

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã G, huyện Đ, Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Trí Lý